TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/DS-ST
Ngày: 05 – 9 – 2025
V/v Tranh chấp chia thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Trang Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Ông Phạm Văn Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Châu Ngọc Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 03/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 về "tranh chấp chia thừa kế tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu; Thông báo mở lại phiên tòa số 15/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi (này là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau) giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Hồ Minh T**, sinh năm 1978. Căn cước công dân số 095078007614 cấp ngày 02/7/2021. Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau), (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Hồ Minh T: Ông Trần Văn S, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp C, xã H, tỉnh Cà Mau), theo văn bản ủy quyền ngày 18/01/2024, (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Hồ Minh C**, sinh năm 1983. Căn cước công dân số 095083009205 cấp ngày 13/6/2024. Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau), (có mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Hồ Minh C: Bà Nguyễn Việt Q, sinh năm 1985, địa chỉ: Khóm B, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Khóm B, phường V, tỉnh Cà Mau), theo vẳn bản ủy quyền 26/8/2024 (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1.Ông **Hồ Minh L**, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau), (vắng mặt).

3.2. Bà **Nguyễn Thị Huyền T1**, sinh năm 1992 (vắng mặt)

3.3. Cháu **Hồ Vũ H**, sinh ngày 25/06/2011

3.4. Cháu **Hồ Thị Yến N**, sinh ngày 25/8/2013

Cùng địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của cháu Hồ Vũ H, cháu Hồ Thị Yến N: Bà Nguyễn Thị Huyền T1, sinh năm 1992, địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau), (vắng mặt).

3.5. Bà **Hồ Thị Mỹ X**, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau) (có mặt).

3.6. Bà **Nguyễn Thị Bích T2**, sinh năm 1987, địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau) (có mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bích T2: Bà Nguyễn Việt Q, sinh năm 1985, địa chỉ: Khóm B, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Khóm B, phường V, tỉnh Cà Mau), theo vẳn bản ủy quyền 26/8/2024 (có mặt).

3.7. Anh **Hồ Minh L1**, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau), (vắng mặt).

3.8. Chị **Hồ Thị Cúc P**, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau), (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2023, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 03/01/2024 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Hồ Minh T và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn S trình bày:

Ông Hồ Minh T là con của cụ Hồ Văn Q1 và cụ Trần Thanh T3. Cụ Q1 và cụ Thủy C1 sống với nhau trước năm 1975, cụ T3 chết năm 1980; cụ Q1 và cụ T3 có hai người con chung là ông Hồ Minh T và ông Hồ Minh L. Đến năm 1983 cụ Q1 chung sống như vợ chồng với cụ Nguyễn Thị T4. Cụ Q1 chết ngày 12/8/2002 và cụ T4 chết ngày 20/8/2021; cụ Q1 và cụ T4 có 03 người con là ông Hồ Minh C, ông Hồ Minh K, bà Hồ Thị Mỹ X; ông K chết năm 2016 và có vợ là bà Nguyễn Thị Huyền T1, cháu Hồ Vũ H, cháu Hồ Thị Yến N. Di sản của cụ Q1 gồm: Diện tích đất ở theo đo đạc thực tế 152,7m^2 thuộc thửa 70 tờ bản đồ số 87, hiện Hồ Minh C đứng tên được cấp ngày 27/4/2022 và diện tích đất ruộng đo đạc thực tế 3.688m^2 thuộc thửa 309, tờ bản đồ số 21, do Hồ Minh C đứng tên được cấp ngày 07/12/2021. Đối với diện tích 152,7m^2 thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 87 có nguồn gốc đất của cụ Hồ Minh Đ, cụ Hồng Thị M là cha mẹ của cụ Q1, tài sản này được cha mẹ cụ Q1 cho trong thời kỳ hôn nhân giữa cụ Q1 với cụ T3, do trước đây trên đất có căn nhà 03 gian do cụ Q1 và cụ T3 sử dụng. Sau khi cụ T3 chết, phần di sản của cụ T3 do cụ Q1 quản lý. Do tài sản này, cụ Q1 có trước khi chung sống với cụ T4 nên đây là tài sản riêng của cụ Q1, sau khi cụ Q1 chết là di sản của cụ Q1. Đối với diện tích 3.688m^2 thửa 309, tờ bản đồ số 21, có nguồn gốc đất của cụ Q1 do cụ T4 đứng tên quyền sử dụng đất tại thửa 692, diện tích 4.342m^2 theo giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất do cụ T4 được cấp ngày 06/8/2004; đến năm 2013 cụ T4 cấp được cấp đổi quyền sử dụng đất, phần đất này là di sản của cụ Q1.

Nay ông T yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật đối với diện tích 152,7m^2 thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 87 và diện tích 3.688 m^2 thuộc thửa 309, tờ bản đồ số 21 do ông Hồ Minh C đứng tên, yêu cầu chia di sản thành 05 phần cho những người thừa kế của cụ Q1 gồm ông Hồ Minh T, ông Hồ Minh L, ông Hồ Minh C, bà Hồ Thị Mỹ X và hàng thừa kế của ông Hồ Minh K; ông T yêu cầu nhận giá trị kỷ phần thừa kế được hưởng.

Ngày 09/4/2025 và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu chia tài sản trên đất thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 87 gồm: Căn nhà chính, mái che, nền sân xi măng do đây là di sản của cụ T4.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Hồ Minh C và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Việt Q trình bày: Bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời điểm cụ Q1, cụ T4 chết và hàng thừa kế của cụ Q1, không thống nhất về di sản của cụ Q1. Đối với diện tích đất ở 152,7m^2 thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 87, đất có nguồn gốc của cha mẹ cụ Q1 cho cụ Q1 trong thời kỳ hôn nhân chung sống với cụ T4. Sau khi cụ Q1 chết thì cụ T4 quản lý di sản của cụ Q1, đến năm 2004 cụ T4 kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ bà Nguyễn Thị T4 đứng tên. Đến năm 2013 hộ bà T4 được cấp đổi, đến năm 2020 thì hộ bà T4 thỏa thuận cho cụ T4 đứng tên quyền sử dụng đất, là tài sản của cụ T4. Sau khi cụ T4 chết thì ông C cấp quyền sử dụng đất theo thủ tục thừa kế. Đối với diện tích đất ruộng 3.688m^2 thửa 309, tờ bản đồ số 21, đất này có nguồn gốc của cụ T4 nhận chuyển nhượng của bà Hồ Thị Đ1 vào năm 2008, sau đó cho ông C, theo thủ tục thừa kế. Do di sản của cụ Q1 không còn, toàn bộ đất tranh chấp là tài sản hợp pháp của ông C do nhận thừa kế từ cụ T4 nên ông C không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa, ông C và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông C đồng ý diện tích đất ở 152,7m^2 thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 87 có một nửa di sản của cụ Q1 và yêu cầu chia di sản của cụ Quảng thành 07 phần, ngoài 05 kỷ phần thừa kế của cụ Q1 thì ông C được hưởng 01 kỷ phần thờ cúng và 01 kỷ phần do ông C sống chung với cụ T4 có công sức bồi đắp, tôn tạo và giữ gìn tài sản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Minh L: Ông L thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông T, yêu cầu được nhận 01 giá trị kỷ phần thừa kế của cụ Q1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Mỹ X: Bà X thống nhất với lời trình bày của ông C. Trường hợp chia di sản thừa kế của cụ Q1 thì bà X yêu cầu được nhận 01 giá trị kỷ phần thừa kế. Đối với di sản của cụ T4, bà X không tranh chấp với ông C và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Huyền T1 và là người đại diện hợp pháp theo pháp luật của cháu Hồ Vũ H và cháu Hồ Thị Yến N trình bày: Bà X là vợ của ông Hồ Minh K, ông K chết vào ngày 08/6/2016 (âm lịch). Ông K và bà T1 có 02 người con là cháu Hồ Vũ H và cháu Hồ Thị Yến N. Trường

hợp chia di sản thừa kế của cụ Q1 thì bà T1 yêu cầu được nhận 01 giá trị kỷ phần thừa kế của ông Hồ Minh K. Đối với di sản của cụ T4, bà T1 không tranh chấp với ông C và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Minh L1, chị Hồ Thị Cúc P: Anh L1 và chị P là con của ông Hồ Minh L. Anh L1, chị P là thành viên trong hộ của bà Nguyễn Thị T4 tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà T4. Anh L1 và chị P cho rằng không liên quan nên không yêu cầu trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Minh T về chia di sản thừa kế đối với phần đất trồng lúa có diện tích 3.610,5m^2 tại thửa 309, tờ bản đồ số 21. Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Minh T do tự nguyện rút 01 phần yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản trên đất (căn nhà trên đất) thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 87 gồm 01 căn nhà chính, mái che, nền sân xi măng. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Minh T yêu cầu Tòa án buộc ông Hồ Minh C có nghĩa vụ hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế theo Biên bản định giá. Bà Nguyễn Thị Huyền T1, ông Hồ Văn H1, bà Hồ Thị Yến N là vợ và con ruột của ông K, cùng là hàng thừa kế thứ nhất nên được thừa kế phần di sản của ông Hồ Minh K. Ông Hồ Minh C được hưởng 01 suất thừa kế do có công sức tôn tạo, giữ gìn di sản và được quyền tiếp tục sử dụng hợp pháp diện tích đất ở thửa 70 diện tích 152,7m^2 theo quy định. Về chi phí tố tụng, án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Ông Hồ Minh T khởi kiện ông Hồ Minh C về yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Hồ Văn Q1. Phần đất tọa lạc ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau) nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau) giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Hồ Văn Q1, sinh năm 1953 đã chết ngày 12/8/2002. Ngày 21/12/2023, ông T có đơn khởi kiện Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Q1. Căn cứ quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự, ông T yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Q1 vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về tố tụng:

[3.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Huyền T1, ông Hồ Minh L1, bà Hồ Thị Cúc P có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Hồ Minh L vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T1, ông L1, bà P, ông L theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Tại đơn khởi kiện, ông T yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản của cụ Hồ Văn Q1, gồm: Phần đất trồng lúa diện tích thực tế 3.688m^2 thuộc thửa 309, tờ bản đồ số 21; phần đất nhà ở có diện tích 152,7m^2 thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 87 và căn nhà cấp 4 có kết cấu vách tường xây, mái lợp tol, nền gạch men. Quá trình giải quyết vụ án, ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tài sản trên diện tích đất 152,7m^2 thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 87 là 01 căn nhà chính, mái che, nền sân xi măng. Ông T chỉ yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản của cụ Q1 là phần đất trồng lúa diện tích thực tế 3.688m^2 thuộc thửa 309, tờ bản đồ số 21; phần đất nhà ở có diện tích 152,7m^2 thuộc thửa 70 bản đồ số 87 do ông T đang đứng tên quyền sử dụng đất và yêu cầu nhận giá trị kỷ phần thừa kế. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông T đối với ông C về yêu cầu chia tài sản trên đất diện tích 152,7m^2 thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 87 là 01 căn nhà chính, mái che, nền sân xi măng.

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét hàng thừa kế của cụ Hồ Văn Q1: Cụ Hồ Văn Q1 và cụ Trần Thanh Thủy C1 sống với nhau trước năm 1975, cụ T3 chết năm 1980; cụ Q1 và cụ T3 có hai người con chung là ông Hồ Minh T và ông Hồ Minh L. Đến năm 1983 cụ Q1 chung sống như vợ chồng với cụ Nguyễn Thị T4. Cụ Q1 chết ngày 12/8/2002 và cụ T4 chết ngày 20/8/2021; cụ Q1 và cụ T4 có 03 người con là ông Minh C, ông Hồ Minh K, bà Hồ Thị Mỹ X; ông K chết năm 2016, có vợ là bà Nguyễn Thị Huyền T1, cháu Hồ Vũ H, cháu Hồ Thị Yến N. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự, người thừa kế theo pháp luật của cụ Hồ Văn Q1 là ông Hồ Minh T, ông Hồ Minh L, ông Minh C, bà Hồ Thị Mỹ X và người thừa kế của ông Hồ Minh K là bà Nguyễn Thị Huyền T1, cháu Hồ Vũ H, cháu Hồ Thị Yến N.

[4.2] Xét di sản thừa kế của cụ Hồ Văn Q1:

[4.2.1] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/02/2024 và Bản vẽ mặt bằng hiện trạng sử dụng đất ngày 13/5/2024 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cung cấp, đất tranh chấp có 02 phần:

- Phần thứ nhất: Diện tích 152,7m^2 thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 87, có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp quốc lộ A số đo 8,32m;
Hướng Tây giáp đất bà Phạm Thị H2 số đo 9,49m;
Hướng Nam giáp đất ông Trần Hữu T5 số đo 17,30m;
Hướng Bắc giáp ông Nguyễn Hữu D số đo 17,02m.

Hiện trạng: Trên đất có căn nhà chính loại IV42, diện tích 109,99m^2 có kết cấu móng khung sườn bê tong cốt thép, vách tường xây, nền gạch men, trần la phong, mái tol thiếc; Mái che tiền chế phía trước, bên hông nhà và sau nhà diện tích 79,47m^2; Nền sân xi măng dưới mái che bên hông nhà và sau nhà diện tích 89,54m^2. Tài sản hiện ông C, bà T2 đang sử dụng.

- Phần thứ hai: Diện tích 3.688m^2 thuộc thửa 309, tờ bản đồ số 21, có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Hồ Minh C (không tranh chấp), ông Hồ Minh L, ông Nguyễn Nhựt S1 số đo 51,13m;

Hướng Tây giáp đất bà Lý Ngọc N1 số đo 49,55m;

Hướng Nam giáp đất ông Đ2 số đo 67,01m;

Hướng Bắc giáp đất ông Hồ Minh T (không tranh chấp), ông D1 số đo 25,15m; 6,64m; 6,38m; 37,71m.

Hiện trạng: Đất trồng lúa do ông C sử dụng.

[4.2.2] Nguyên đơn ông Hồ Minh T và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng diện tích 152,7m^2 thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 87 và diện tích 3.688m^2 thuộc thửa 309, tờ bản đồ số 21 là di sản của cụ Q1 nên yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật và yêu cầu chia 05 kỷ phần thừa kế gồm: Ông Hồ Minh T, ông Hồ Minh C, ông Hồ Minh L, bà Hồ Thị Mỹ X và người thừa kế của ông Hồ Minh K (bà Nguyễn Thị Huyền T1, cháu Hồ Vũ H, cháu Hồ Thị Yến N). Tại phiên tòa, bị đơn ông Hồ Minh C và người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn cho rằng diện tích 152,7m^2 thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 87 có một nửa di sản của cụ Q1 và đồng ý chia thừa kế theo quy định của pháp luật nhưng chia di sản của cụ Q1 07 phần, ngoài 05 kỷ phần thừa kế của cụ Q1 thì ông C được hưởng 01 kỷ phần thừa kế do ông C là người thờ cúng và 01 kỷ phần do ông C sống chung với cụ T4 và ông C có công sức đóng góp, tôn tạo và giữ gìn tài sản; đối với diện tích 3.688m^2 thuộc thửa 309, tờ bản đồ số 21 thì không đồng ý chia do đất có nguồn gốc cụ T4 nhận chuyển nhượng của bà Hồ Thị Đ1.

[4.2.3] Tại Công văn số 667/CNVPĐKĐĐHVL ngày 09/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V, thể hiện thửa đất 70, tờ bản đồ số 7 có diện tích 146,5m^2 đất ở do ông Hồ Minh C đứng tên quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DĐ 062644 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 27/04/2022 và thửa đất 309, tờ bản đồ số 21 có diện tích 3.610,5m^2 đất trồng lúa do ông Hồ Minh C đứng tên quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 559822 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp 07/12/2021.

[4.2.4] Căn cứ vào Trích lục bản đồ địa chính ngày 09/10/2020 (bút lục 267), thể hiện thửa 309 tờ bản đồ số 21 tương ứng với thửa 692 tờ bản đồ số 10 (cũ) và thửa 70 tờ bản đồ số 87 tương ứng thửa 672 tờ bản đồ số 10 (cũ).

[4.2.5] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0766 QSDĐ 7884/2004 ngày 06/8/2004 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 534621 cấp ngày 08/8/2013, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bút lục 291-299) thể hiện thửa đất 692, tờ bản đồ số 10 do hộ bà Phạm Thị T6 đứng tên và được cấp theo thủ tục nhận thừa kế cụ Hồ Văn Q1. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 534622 cấp ngày 08/8/2013 và

hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, T7 đo hiện trạng địa chính thửa đất ngày 06/7/2013 (bút lục 204) thể hiện thửa 690 tờ bản đồ số 10 do hộ bà Phạm Thị T6 đứng tên; tại Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 06/7/2013 (bút lục số 215) thể hiện "nguồn gốc đất năm 2008 bà Phạm Thị T6 nhận chuyển nhượng của bà Hồ Thị Đ1 diện tích hiện nay còn lại 5.523,5m^2 (được thể hiện tại thửa 690 tờ bản đồ số 10, tất cả các diện tích đất còn lại hộ bà Phạm Thị T6 sử dụng từ năm 1980 đến nay được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện đo đạc hợp thửa 690 và thửa 691 thành thửa 690 diện tích 14.879,6m^2".

[4.2.6] Tại Công văn số 171 ngày 29/8/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đ phúc đáp Công văn số 42 ngày 26/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, thể hiện "theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0766 QSDĐ 7884/2004 ngày 06/8/2004, thửa đất 692, tờ bản đồ số 10 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 534621, thửa đất 692, tờ bản đồ số 10, được Ủy ban nhân huyện V cấp ngày 08/8/2013 cho hộ bà Phạm Thị T6. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 472878, được Ủy ban nhân dân huyện V cấp theo Quyết định số 150/QĐ-UB ngày 22/10/1993 cho ông Hồ Văn Q1 là thửa số 0305, tờ bản đồ số 07; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 534622, thửa đất số 690, tờ bản đồ số 10, được Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 08/8/2013 cho hộ bà Phạm Thị T6, được hợp từ thửa 690, 691 (thành thửa 690) theo bản trích do hiện trạng địa chính thửa đất được Ủy ban nhân dân thị trấn C ký ngày 06/7/2013".

[4.2.7] Từ đó, có căn cứ xác định thửa đất 692, tờ bản đồ số 10 (đất trồng lúa) do bà Phạm Thị T6 đứng tên quyền sử dụng là thửa số 0305, tờ bản đồ số 07, và thửa 672 tờ bản đồ số 10 (đất ở) là thửa 432 tờ bản đồ số 07; thửa 0305 và thửa 432 cùng tờ bản đồ 7 do cụ Hồ Văn Q1 đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 472878, được Ủy ban nhân dân huyện V cấp theo Quyết định số 150/QĐ-UB ngày 22/10/1993.

[4.2.8] Xét thấy, cụ Hồ Văn Q1 được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận theo Quyết định số 150/QĐ.UB ngày 22/10/1993 với tổng diện tích đất 23.220m^2 trong đó diện tích 3.740m^2 đất trồng lúa thuộc thửa 0305, diện tích 18.410m^2 đất trồng lúa thuộc thửa 0309, diện tích 500m^2 đất thổ cư và đất lập vườn có diện tích 570m^2 thuộc thửa 0423, cùng tờ bản đồ số 7 (Bút lục 291) nên có cơ sở xác định thời điểm năm 1993 cụ Q1 đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất 23.220m^2, trong đó diện tích 3.740m^2 đất trồng lúa thuộc thửa 0305, và diện tích 500m^2 đất thổ cư thuộc thửa 0423, cùng tờ bản đồ số 7 theo quy định khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993.

[4.2.9] Các đương sự đều xác định năm 1982-1983, cụ Q1 và cụ T6 chung sống như vợ chồng. Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của cụ Q1 và cụ T6 là hôn nhân thực tế. Do đó, quyền sử dụng đất do cụ Q1 đứng tên quyền sử dụng đất thuộc thửa 0305 tờ bản đồ số 7 và thửa 0423, tờ bản đồ số 7 là tài sản chung của vợ chồng cụ Q1 và cụ T6 nên di sản của cụ Q1 được xác định là một nửa tài sản chung của cụ Q1 và cụ T6.

[4.2.10] Hội đồng xét xử có căn cứ xác định diện tích 152,7m^2 đất ở thửa 70, tờ bản đồ số 7 và diện tích 3.688m^2 thuộc thửa 309, tờ bản đồ số 21 là tài sản chung của vợ chồng cụ Q1 và cụ T6 và xác định trong khối tài sản chung có một nửa di sản của cụ Q1.

[4.3] Xét kỷ phần thừa kế:

[4.3.1] Các đương sự đều xác định ông C sống chung với cụ T6 và cụ Q1, sau khi cụ Q1 chết thì cụ T6 và ông C là người quản lý tài sản, quá trình sử dụng đất cụ T6 và ông C có bồi đắp, sau khi cụ T6 chết thì ông C là người quản lý tài sản. Hội đồng xét xử có cơ sở chia di sản của cụ Quảng thành 06 kỷ phần gồm: 05 kỷ phần thừa kế cho những người thừa kế của cụ Q1 là ông Hồ Minh T, ông Hồ Minh L, ông Hồ Minh C, bà Hồ Thị Mỹ X, người thừa kế của ông Hồ Minh K (là bà Nguyễn Thị Huyền T1, cháu Hồ Vũ H và cháu Hồ Thị Yến N) và 01 kỷ phần cho ông Hồ Minh C do ông C là người công sức tôn tạo và giữ gìn di sản.

[4.3.2] Theo Biên bản định giá tài sản ngày 28/02/2024 của Hội đồng định giá, diện tích 152,7m^2 có giá thị trường 687.150.000 đồng; Chứng thư thẩm định giá 040/2024/1077.TTKD2 ngày 01/08/2024 của Công ty Cổ phần T8 thể hiện diện tích đất 152,7m^2 có giá 1.497.071.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định giá trị diện tích 152,7m^2 đất ở như sau: (687.150.000 đồng + 1.497.071.000 đồng)/2 = 1.092.110.500 đồng. Đối với diện tích 3.688m^2 đất trồng lúa có giá thị trường theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản là 737.600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung của cụ Q1 và cụ T6 là 1.829.710.500 đồng, di sản của cụ Q1 là 914.855.250 đồng.

[4.3.3] Như vậy, giá trị 01 kỷ phần thừa kế là 914.855.250 đồng/6 = 152.475.875 đồng. Do ông C là người đang quản lý di sản nên Hội đồng xét xử buộc ông C có nghĩa vụ hoàn lại giá trị kỷ phần thừa kế cho ông T, ông L, bà X mỗi người số tiền 152.475.875 đồng; đối với kỷ phần của ông Hồ Minh K thì ông C phải trả cho những người thừa kế của bà T1, cháu H, cháu N mỗi người số tiền 50.825.292 đồng, bà T1 là người đại diện theo pháp luật của cháu H và cháu N nhận thay cho cháu H và cháu N. Ông C được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 152,7m^2 đất ở thửa 70, tờ bản đồ số 7 và diện tích 3.688m^2 đất trồng lúa thuộc thửa 309, tờ bản đồ số 21 và được quyền liên hệ cơ quan nhà nước đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật.

[4.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông T đối với ông C về yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 152,7m^2 đất ở thửa 70, tờ bản đồ số 7 và diện tích 3.688m^2 thuộc thửa 309, tờ bản đồ số 21 do ông Hồ Minh C đứng tên.

[5] Do ông T yêu cầu nhận giá trị kỷ phần thừa kế, không yêu cầu xem xét trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Thị T4 và ông Hồ Minh C nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Thị T4 và ông Hồ Minh C.

[6] Đối với di sản của cụ Nguyễn Thị T4, những người thừa kế của cụ T4 không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[7] Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản 20.981.397 đồng. Ông T, ông L, bà X, bà T1 mỗi người phải chịu số tiền 3.496.899 đồng, ông C chịu số tiền

6.993.799 đồng. Ông T đã nộp tạm ứng chi phí 20.981.397 đồng. Ông L, bà X, bà T1 mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại cho ông T số tiền 3.496.899 đồng, ông C phải hoàn lại cho ông T số tiền 6.993.799 đồng.

[8] Án phí Dân sự có giá ngạch: Ông T, ông L, bà X, bà T1 mỗi người phải chịu án phí 5% của số tiền 152.475.875 đồng (01 kỷ phần thừa kế) là 7.623.794 đồng, ông C phải chịu án phí 5% của số tiền 304.951.750 đồng (02 kỷ phần thừa kế) là 15.247.588 đồng. Ông Hồ Minh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0003841 ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí, ông T còn phải nộp số tiền 7.323.794 đồng.

[9] Từ đó, có căn cứ chấp nhận một phần lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 612, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Minh T đối với ông Hồ Minh C, về yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật đối với diện tích 152,7m^2 đất ở thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 7 và diện tích 3.688m^2 đất trồng lúa thuộc thửa 309, tờ bản đồ số 21, đất tọa lạc ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (nay là ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau).

2. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Minh T đối với ông Hồ Minh C, về yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật đối với tài sản trên đất thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 87 gồm: Căn nhà chính loại IV42, diện tích 109,99m^2 có kết cấu móng khung sườn bê tong cốt thép, vách tường xây, nền gạch men, trần la phong, mái tol thiếc; Mái che tiền chế phía trước, bên hông nhà và sau nhà diện tích 79,47m^2; Nền sân xi măng dưới mái che bên hông nhà và sau nhà diện tích 89,54m^2, tài sản tại ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (nay là ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau).

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Minh T đối với ông Hồ Minh C, về yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật đối với tài sản trên đất thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 87 gồm: Căn nhà chính loại IV42, diện tích 109,99m^2 có kết cấu móng khung sườn bê tong cốt thép, vách tường xây, nền gạch men, trần la phong, mái tol thiếc; Mái che tiền chế phía trước, bên hông nhà và sau nhà diện tích 79,47m^2; Nền sân xi măng dưới mái che bên hông nhà và sau nhà diện tích 89,54m^2, tài sản tại ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (nay là ấp X, xã V, tỉnh Cà Mau).

4. Buộc ông Hồ Minh C có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Hồ Minh T, ông Hồ Minh L, bà Hồ Thị Mỹ X mỗi người số tiền 152.475.875 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

5. Buộc ông Hồ Minh C có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho những người thừa kế của ông Hồ Minh K là bà Nguyễn Thị Huyền T1, cháu Hồ Vũ H, cháu Hồ Thị Yến N mỗi người số tiền 50.825.292 đồng (Năm mươi triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi hai đồng). Bà Nguyễn Thị Huyền T1 là người đại diện hợp pháp theo pháp luật của cháu Hồ Vũ H, cháu Hồ Thị Yến N nhận thay cho cháu Hồ Vũ H, cháu Hồ Thị Yến N.

6. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Ông Hồ Minh C được quyền quản lý, sử dụng diện tích 152,7m^2 thuộc thửa 70, tờ bản đồ số 87 và diện tích 3.688m^2 thuộc thửa 309, tờ bản đồ số 21, đất có số đo và vị trí như sau:

- Diện tích 152,7m^2 thuộc thửa 70 có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp quốc lộ A số đo 8,32m;

Hướng Tây giáp đất bà Phạm Thị H2 số đo 9,49m;

Hướng Nam giáp đất ông Trần Hữu T5 số đo 17,30m;

Hướng Bắc giáp ông Nguyễn Hữu D số đo 17,02m.

- Diện tích 3.688m^2 thuộc thửa 309, tờ bản đồ số 21, có vị trí và số đo như sau:

Hướng Đông giáp đất ông Hồ Minh C (không tranh chấp), ông Hồ Minh L, ông Nguyễn Nhựt S1 số đo 51,13m;

Hướng Tây giáp đất bà Lý Ngọc N1 số đo 49,55m;

Hướng Nam giáp đất ông Đ2 số đo 67,01m;

Hướng Bắc giáp ông Hồ Minh T (không tranh chấp), ông D1 số đo 25,15m; 6,64m; 6,38m; 37,71m.

(*Bản vẽ mặt bằng hiện trạng sử dụng đất ngày 13/5/2024 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh B là một phần không thể tách rời bản án*).

8. Ông Hồ Minh C có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất được nêu tại mục 6 phần Quyết định trên.

9. Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản 20.981.397 đồng (Hai mươi triệu chín trăm tám mươi mốt nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng). Ông Hồ Minh T, ông Hồ Minh L, bà Hồ Thị Mỹ X, bà Nguyễn Thị Huyền T1 mỗi người phải chịu số tiền 3.496.899 đồng (Ba triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi chín đồng), ông Hồ Minh C chịu số tiền 6.993.799 đồng (Sáu triệu chín trăm

chín mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng). Ông Hồ Minh T đã nộp tạm ứng chi phí 20.981.397 đồng (Hai mươi triệu chín trăm tám mươi mốt nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng). Ông Hồ Minh L, bà Hồ Thị Mỹ X, bà Nguyễn Thị Huyền T1 mỗi người có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Hồ Minh T số tiền 3.496.899 đồng (Ba triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm chín mươi chín đồng), ông Hồ Minh C phải hoàn lại cho ông Hồ Minh T số tiền 6.993.799 đồng (Sáu triệu chín trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng).

10. Án phí Dân sự có giá ngạch: Ông Hồ Minh T, ông Hồ Minh L, bà Hồ Thị Mỹ X, bà Nguyễn Thị Huyền T1 mỗi người phải chịu số tiền 7.623.794 đồng (Bảy triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng). Ông Hồ Minh C phải chịu án phí 15.247.588 đồng (Mười lăm triệu hai trăn bốn mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi tám đồng). Ông Hồ Minh T đã nộp đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0003841 ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí, ông Hồ Minh T còn phải nộp số tiền 7.323.794 đồng (Bảy triệu ba trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng).

11. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

12. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Trang Thảo